

ĐỀ ÁN

Thực hiện Quyết định số: 1592/2009/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn đến năm 2010

Phú Thọ là tỉnh miền núi, có diện tích tự nhiên là 3.532,9 km², diện tích miền núi 3.227 km², chiếm 92,3% diện tích toàn tỉnh. Có 13 huyện thành thị, trong đó có 10/13 huyện miền núi (có 1 huyện nghèo được thụ hưởng chính sách Nghị quyết 30a của Chính phủ); 3 huyện, thị xã, thành phố có xã miền núi; có 218/277 xã, thị trấn miền núi, trong đó có 43 xã đặc biệt khó khăn, 190 thôn, bản ĐBKK của 73 xã khu vực II thuộc 9 huyện được thụ hưởng Chương trình 135 giai đoạn II (tính đến thời điểm tháng 3/2009); 6 huyện có hộ dân tộc thiểu số nghèo được thụ hưởng các chính sách theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Chương trình 134). Dân số toàn tỉnh là 1.345.498 người, trong đó dân số miền núi trên 961.800 người chiếm 70% dân số toàn tỉnh. Có 20 dân số cùng chung sống, trong đó dân tộc thiểu số có 202.800 người, chiếm 21% dân số miền núi và 15,1% dân số toàn tỉnh. Có 4 dân tộc thiểu số: Mường, Dao, Cao Lan, Mông sống tập trung thành làng bản có bản sắc văn hoá, phong tục tập quán đậm nét.

Thực hiện Quyết định số 1592/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Căn cứ Công văn số: 880/UBND-CSĐT ngày 05/11/2009 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện Chính phủ. UBND tỉnh Phú Thọ xây dựng Đề án thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Kết quả 4 năm thực hiện Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

1. Hỗ trợ đất ở:

Số hộ cần được hỗ trợ: 2.807 hộ; đến nay đã thực hiện được 1.144 hộ, đạt 40,75% kế hoạch, với diện tích 33,6 ha, đạt 73,6% kế hoạch (trong đó: quỹ đất của địa phương hỗ trợ 973 hộ, diện tích 30,93 ha; bằng nguồn vốn của Dự án kinh tế mới 35 hộ với diện tích là 0,7 ha; 86 hộ thuộc huyện Thanh Sơn và Tân Sơn đã cấp xong chứng nhận quyền sử dụng đất).

2. Hỗ trợ đất sản xuất:

Số hộ cần hỗ trợ đất sản xuất: 5.148 hộ, đã thực hiện hỗ trợ được 1.146 hộ, đạt 22,26% kế hoạch; với diện tích là: 464,58 ha, đạt 37,36% kế hoạch (trong đó: quỹ đất địa phương hỗ trợ 709 hộ, diện tích 250,2 ha; đất các hộ gia đình giao cho sử dụng 349 hộ, diện tích 13,38 ha), tổng kinh phí là 964,153 triệu đồng. Số hộ đang sản xuất trên các quỹ đất khác cụ thể là: đất lâm trường 717 hộ, diện tích 364,5 ha; đất quốc phòng 83 hộ, diện tích 24,9 ha; đất rừng phòng hộ 76 hộ, diện tích 22,8 ha; đất khác 24 hộ; diện tích 7,2 ha.

Nguồn vốn định canh, định cư trong 3 năm (2005 - 2007) đã đầu tư 300 triệu đồng hỗ trợ cho 400 hộ ở 18 xã khai hoang mở rộng diện tích lúa mới là 68,4 ha (mức hỗ trợ bình quân 5 triệu đồng/1 ha khai hoang ruộng mới; 4 triệu/1 ha kiến thiết nương rẫy).

3. Hỗ trợ nhà ở:

Số hộ cần được hỗ trợ: 3.776 hộ = 3.776 căn nhà, đã thực hiện hỗ trợ và động viên các nguồn lực hoàn thành xóa nhà tạm trong 3 năm (2005 - 2007) là 3.776 ngôi nhà, đạt 100% kế hoạch (trong đó có 513 ngôi nhà động viên các nguồn lực khác ngoài nguồn vốn 134);

- Kinh phí Trung ương hỗ trợ: 5 triệu đồng.

- Khu xóm, dòng họ hỗ trợ và vốn tự có của hộ gia đình: từ 9 đến 10 triệu đồng/nhà/hộ.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 2031 triệu đồng (cho 2.031 căn nhà năm 2007, mỗi căn nhà 1 triệu đồng).

4. Hỗ trợ nước sinh hoạt:

Số hộ đã được thụ hưởng là 13.305/14.961 hộ đạt 88,9% kế hoạch, trong đó:

a) Về cấp nước sinh hoạt tập trung:

Số công trình đã được đầu tư là 99/117 công trình, đạt 84,6% kế hoạch; với 7.659/8.992 hộ được thụ hưởng, đạt 85,1% kế hoạch. Tổng kinh phí hỗ trợ là: 66.710,9 triệu đồng.

b) Về nước sinh hoạt phân tán:

Số hộ được hỗ trợ: 5.646/5.969 hộ, đạt 94,5% kế hoạch (chủ yếu là hỗ trợ hộ gia đình làm giếng khơi và bể chứa nước), trong đó: Quyết định 134 hỗ trợ 2.250 hộ với kinh phí là 900 triệu đồng, còn lại là nguồn vốn lồng ghép của Chương trình WB và nhân dân tự xây bể chứa nước.

5. Tổ chức huy động các nguồn lực trên địa bàn:

Nguồn lực đã huy động đầu tư theo Quyết định số 134 từ năm 2005 đến hết tháng 12 năm 2008 là 109.344,6 triệu đồng/139.784 triệu đồng, đạt 76,5% kế hoạch theo Đề án, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 84.590,0 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 2.031,0 triệu đồng;

- Vốn WB lồng ghép: 10.188,0 triệu đồng;

- Huy động các nguồn lực khác: 12.535,6 triệu đồng (vốn của chủ hộ và huy động sự giúp đỡ ngày công lao động, vật tư tại chỗ của anh em, dòng họ, cộng đồng).

Trong 4 năm thực hiện Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Phú Thọ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một cách toàn diện và có hiệu quả. Quá trình triển khai thực hiện Chương trình đã khơi dậy truyền thống nhân ái, tạo nên một phong trào đoàn kết, tương thân, tương ái, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau rộng khắp trong cộng đồng các dân tộc trong tỉnh.

Qua 4 năm thực hiện Chương trình, đã giúp cho một bộ phận các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo xóa được nhà tạm, nhà dột nát, có đất sản xuất và nước sinh hoạt, từng bước cải thiện nơi ở, ổn định sản xuất và đời sống, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi được giữ vững, niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số với Đảng, Nhà nước được củng cố, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

II. Nhu cầu thực hiện Quyết định 1592/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và giải pháp chủ yếu thực hiện đến năm 2010.

1. Đối tượng được thụ hưởng:

Là hộ đồng bào dân tộc thiểu số, định cư thường xuyên trú tại địa phương; là hộ nghèo sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp chưa có hoặc chưa đủ đất sản xuất, nước sinh hoạt.

Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn tỉnh là; 46.806 hộ; trong đó:

- Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo theo Quyết định 170 là; 24.319 hộ;
- Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thuộc diện thụ hưởng chính sách theo tiêu chí quy định tại Quyết định 1592/2009/QĐ-TTg là: 22.487 hộ.

2. Nhu cầu thực hiện các chính sách theo Quyết định 1592/QĐ-TTg

Tổng nhu cầu kinh phí: 247.220 triệu đồng, trong đó:

Ngân sách Trung ương: 235.322 triệu đồng;

Vốn đối ứng của địa phương: 6.089 triệu đồng;

Vốn thực hiện Nghị quyết 30a: 5.809 triệu đồng;

2.1. Về đất sản xuất:

Số hộ cần hỗ trợ đất sản xuất: 9.340 hộ; nhu cầu kinh phí: 174.830 triệu đồng.

a) Số hộ có nhu cầu hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: 5.947 hộ, kinh phí 114.525 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 111.862 triệu đồng, bao gồm:

- + Hỗ trợ theo chính sách: 53.271 triệu đồng;
- + Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 7.990.635 triệu đồng;
- + Vốn vay: 50.600 triệu đồng.
- Vốn đối ứng của địa phương: 2.663,545 triệu đồng.

b) Số hộ thiếu đất sản xuất có nhu hỗ trợ đi xuất khẩu lao động: 708 hộ, nhu cầu kinh phí: 23.788,0 triệu đồng, trong đó:

- Ngân hàng Trung ương: 23.682,6 triệu đồng, bao gồm:
 - + Hỗ trợ theo chính sách: 2.124 triệu đồng;
 - Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 318,6 triệu đồng;
 - Vốn vay: 21.240 triệu đồng.
 - Vốn đối ứng của địa phương: 106,2 triệu đồng.

c) Số hộ thiếu đất sản xuất có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, mua công cụ sản xuất: 2.685 hộ, nhu cầu kinh phí: 36.516 triệu đồng, trong đó;

- Ngân sách Trung ương: 36.113,25 triệu đồng, bao gồm:
 - + Hỗ trợ theo chính sách: 8.055 triệu đồng;
 - + Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 1.208,25 triệu đồng;
 - + Vốn vay: 26.850 triệu đồng.
 - Vốn đối ứng của địa phương: 402,72 triệu đồng.

2.2. Về nước sinh hoạt:

a) Nước sinh hoạt phân tán:

Số hộ cần hỗ trợ: 7.254 hộ; nhu cầu kinh phí; 8.705 triệu đồng, trong đó;

- Ngân sách Trung ương: 8.342 triệu đồng, bao gồm:
 - + Hỗ trợ theo chính sách: 7.245 triệu đồng;
 - + Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 1.097 triệu đồng;
 - Vốn đối ứng của địa phương: 362,25 triệu đồng.

b) Nước sinh hoạt tập trung: 53 công trình, nhu cầu kinh phí: 57.878 triệu đồng, trong đó:

- Số công trình trong Đề án đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện: 18 công trình, số hộ được thụ hưởng 2.197 hộ, nhu cầu kinh phí: 23.562 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 22.664 triệu đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ theo chính sách: 19.708 triệu đồng;

+ Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 2.956 triệu đồng;

- Vốn đối ứng của địa phương: 898,55 triệu đồng.

- Số công trình nước sinh hoạt xây dựng mới: 35 công trình. Số hộ được thụ hưởng 3.696 hộ, nhu cầu kinh phí: 34.315 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 33.893 triệu đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ theo chính sách: 29.473 triệu đồng;

- Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 4.420 triệu đồng.

- Vốn đối ứng của địa phương: 421 triệu đồng.

2.3. Nhu cầu hỗ trợ vốn cho các hộ cư trú ở huyện nghèo được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a của Chính phủ.

Số hộ được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a: 654 hộ, nhu cầu kinh phí: 5.809 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 3.760,5 triệu đồng, bao gồm:

+ Hỗ trợ theo chính sách: 3.270 triệu đồng;

- Hỗ trợ vốn đối ứng cho địa phương (15%): 490,5 triệu đồng.

- Vốn đối ứng của địa phương: 163,5 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

3. Tổ chức thực hiện:

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, kiện toàn, củng cố, nâng cao trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình các cấp để làm tốt công tác tham mưu giúp UBND tỉnh, UBND huyện xây dựng kế hoạch nhằm huy động các nguồn lực của địa phương, tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đề ra vào năm 2010. Cụ thể;

Ủy ban nhân dân các huyện có đối tượng thụ hưởng chính sách:

- Công bố công khai các chính sách, tiêu chuẩn, đối tượng được thụ hưởng chính sách; phối hợp với các ngành, tổ chức đoàn thể, cơ quan, đơn vị trên địa bàn để triển khai thực hiện Quyết định 1592/QĐ-TTg; rà soát quỹ đất theo quy định để có quỹ đất giao cho các hộ đồng bào có nhu cầu hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất và triển khai các nội dung hỗ trợ về nước sinh hoạt;

- Tổ chức các lớp dạy nghề cho các hộ thiếu đất sản xuất có nhu cầu chuyển đổi ngành nghề.

- Phối hợp với các ngành chức năng có kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện việc xuất khẩu lao động, hỗ trợ xuất khẩu lao động cho số lao động có nhu cầu xuất khẩu lao động.

- Phối hợp với MTTQ và các đoàn thể nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về ý nghĩa thực hiện Quyết định 1592/QĐ-TTg; vận động, huy động các nguồn lực trong cộng đồng, doanh nghiệp giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

- Tạo điều kiện để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc cho vay và thu hồi nợ theo quy định.

- Triển khai các nội dung khác theo yêu cầu.

Ban Dân tộc: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Đề án này theo đúng các nội dung quy định tại Quyết định 1592/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thực hiện Đề án đúng đối tượng, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực. Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc hoặc có các nội dung phát sinh cần điều chỉnh, phải báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể với UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quyết định 1592/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là Đề án thực hiện Quyết định số: 1592/2009/QĐ-TTg ngày 12/20/2009 của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2010 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Kính mong được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hải